

BỘ THỦY SẢN

BỘ THỦY SẢN
Số: 10/2006/QĐ-BTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và Thuyền viên

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 43/2003/NĐ-CP ngày 02/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế Đăng ký tàu cá và Thuyền viên".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Quy chế này thay thế các quy định về đăng ký tàu cá và thuyền viên trong Quy chế Đăng kiểm tàu cá, Đăng ký tàu cá và Thuyền viên ban hành kèm theo Quyết định số 494/2001/QĐ-BTS ngày 15/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

Điều 3. Chánh Văn phòng; Vụ trưởng các Vụ; Chánh Thanh tra Bộ; Cục trưởng Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Giám đốc các Sở thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lương Lê Phương

BỘ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ VÀ THUYỀN VIÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS
ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Quy chế này quy định thống nhất việc thực hiện đăng ký tàu cá và thuyền viên, áp dụng đối với các tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 20 sức ngựa trở lên hoặc không lắp máy có chiều dài đường nước thiết kế từ 15 mét trở lên, bè cá và các cấu trúc nổi khác phục vụ hoạt động thủy sản có tổng dung tích từ 50 m³ trở lên.

2. Đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính dưới 20 sức ngựa hoặc không lắp máy có chiều dài đường nước thiết kế dưới 15 mét, được quy định tại Thông tư số 05/2006/TT-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

Điều 2.

1. Tất cả các tàu cá nói tại khoản 1 Điều 1 đều phải thực hiện chế độ đăng ký tàu cá và thuyền viên theo quy định của Quy chế này.

2. Tàu cá chỉ được phép đưa vào hoạt động sau khi đã hoàn tất việc đăng ký tàu cá và thuyền viên theo quy định của Quy chế này.

3. Chủ tàu cá có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký tàu cá và thuyền viên theo quy định của Quy chế này.

Điều 3.

Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản có trách nhiệm:

1. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện thống nhất công tác đăng ký tàu cá và thuyền viên trong phạm vi cả nước.

2. Thực hiện việc đăng ký tàu cá và thuyền viên đối với các tàu cá thuộc các tổ chức sau:

- a) Các đơn vị trực thuộc Bộ Thủy sản và của các bộ, ngành khác;
- b) Lực lượng vũ trang nhân dân làm kinh tế;
- c) Các đơn vị thuê tàu trần, thuê - mua tàu của nước ngoài;
- d) Các liên doanh với nước ngoài hoặc 100% vốn nước ngoài;
- đ) Tàu kiểm ngư; tàu nghiên cứu, điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản;
- e) Các tàu cá Việt Nam hoạt động ở ngoài vùng biển Việt Nam.

Điều 4.

Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Chi cục thủy sản (dưới đây gọi chung là Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Giúp Sở thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quản lý thủy sản (sau đây gọi chung là Sở thủy sản) tổ chức thực hiện việc đăng ký tàu cá và thuyền viên trong phạm vi địa phương, trừ những tàu cá nói tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này;

2. Tổng hợp, thống kê tàu cá và thuyền viên của địa phương, báo cáo theo định kỳ về Bộ Thủy sản.

Chương II

ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Điều 5.

1. Tàu cá được đăng ký vào sổ đăng ký tàu cá khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản;
- b) Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật;

- c) Không còn mang số đăng ký tàu nào khác;
- d) Đã hoàn tất việc đăng kiểm;
- đ) Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu vỏ bằng vật liệu khác;
- e) Tàu cá thuộc tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có trụ sở thường trú tại Việt Nam và phải được Chính phủ Việt Nam cho phép.

2. Trong cùng một thời gian, mỗi tàu cá chỉ được đăng ký tại một cơ quan Đăng ký tàu cá tại địa phương mà chủ tàu cá đăng ký thường trú hoặc đặt trụ sở và chỉ mang một số đăng ký duy nhất.

3. Cơ quan Đăng ký tàu cá có trách nhiệm vào sổ đăng ký tàu cá trước khi cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cho chủ tàu.

Điều 6.

1. Sau khi đăng ký, mỗi tàu cá chỉ được cấp một giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cùng biển số. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bao gồm các nội dung về sở hữu tàu, công dụng và các tính năng cơ bản của tàu;

2. Tùy theo cỡ loại tàu, cơ quan đăng ký tàu cá sẽ áp dụng các mẫu giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tương ứng (*Phụ lục 1a và 1b*).

3. Chủ tàu, Thuyền trưởng tàu cá phải giữ gìn và thường xuyên mang theo tàu giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cùng các giấy tờ có liên quan đến hoạt động thủy sản.

Điều 7.

1. Số đăng ký được viết hai bên mạn phía mũi tàu, trường hợp tàu nhỏ không thể viết số đăng ký ở bên mạn phía mũi tàu thì làm biển số gắn ở phía ngoài vách ca bin hoặc vách buồng ngủ, nếu tàu không có cả ca bin và buồng ngủ thì viết hoặc gắn vào bất kỳ vị trí nào của thân tàu nơi dễ nhìn thấy nhất.

2. Chữ và số viết ngay ngắn, rõ ràng bằng kiểu chữ in đều nét, màu chữ và số tương phản với màu nền viết để nhìn rõ.

3. Kích cỡ chữ và số phải tương xứng kích cỡ tàu, bề dày nét chữ và số không nhỏ hơn 30 mm, chiều cao chữ và số không nhỏ hơn 200mm. Đối với tàu quá nhỏ, kích cỡ chữ và số có thể nhỏ hơn quy định trên đây, nhưng phải đảm bảo rõ ràng, dễ thấy.

4. Tên tàu cá do chủ tàu tự đặt. Trong trường hợp dùng tên các nhân vật lịch sử của Việt Nam để đặt tên cho tàu thì phải được Bộ trưởng Bộ Thủy sản chấp thuận.

5. Nếu tàu được đặt tên, tên tàu được viết phía trên vách cabin hoặc vách buồng ngủ. Đối với các tàu cá có công suất từ 90 sức ngựa trở lên, chủ tàu còn phải kẻ địa danh cảng hoặc nơi đăng ký trú đậu tàu, viết ở phía đuôi tàu.

6. Chủ tàu có trách nhiệm gắn, kẻ biển số trên tàu theo đúng quy định và phải gắn kẻ lại khi biển số bị hỏng, mờ.

7. Số đăng ký gồm 3 nhóm (tính từ trái sang phải) như sau:

A. Nhóm thứ nhất: Các chữ cái viết tắt tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*Phụ lục 2*);

B. Nhóm thứ hai: Gồm 5 chữ số theo thứ tự từ 00001 đến 99999; riêng đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 sức ngựa trở lên, quy ước có số đầu là 9;

C. Nhóm thứ ba:

a) Gồm 2 chữ: "TS" (*Thủy sản*) - Đối với tàu cá do cơ quan Đăng ký tàu cá tỉnh đăng ký;

b) Gồm 3 chữ "BTS" (*Bộ Thủy sản*) - Đối với tàu cá do cơ quan Đăng ký tàu cá Trung ương đăng ký;

c) Gồm 2 chữ "KN" (*Kiểm ngư*) - Đối với tàu kiểm ngư do cơ quan Đăng ký tàu cá Trung ương đăng ký;

d) Gồm 2 chữ "NT" - Đối với bè cá.

Điều 8.

Hồ sơ đăng ký tàu cá gồm:

1. Giấy tờ phải nộp, mỗi thứ 01 bản:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá (*Phụ lục 3a*);

b) Giấy tờ chứng minh nguồn gốc của tàu:

- Đối với tàu cá đóng mới:

+ Hợp đồng đóng tàu (bản chính);

+ Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng, sửa tàu cấp (bản chính);

+ Văn bản chấp thuận đóng mới của Sở thủy sản hoặc Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Đối với tàu cá cải hoán:

+ Hợp đồng cải hoán, sửa chữa tàu (bản chính);

+ Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản gốc);

+ Văn bản chấp thuận cải hoán của Sở thủy sản hoặc Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu:

+ Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định hiện hành của Nhà nước (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản chính) kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu (bản chính);

+ Giấy xác nhận xóa đăng ký do cơ quan Đăng ký cũ cấp.

- Đối với tàu cá nhập khẩu:

+ Giấy phép mua tàu do cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp (bản chính);

+ Giấy chứng nhận hoàn thành thủ tục hải quan (bản chính);

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký cũ do cơ quan Đăng ký tàu của nước ngoài bán tàu cấp (bản chính) và kèm theo bản dịch ra tiếng Việt do cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung dịch.

- Đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu:

+ Văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu vào Việt Nam do cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp (bản chính);

+ Hợp đồng thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu vào Việt Nam (bản chính);

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký cũ của tàu do cơ quan Đăng ký cũ cấp (bản chính) và kèm theo bản dịch ra tiếng Việt do cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung dịch.

c) Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

d) Ảnh tàu cỡ 9 x 12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

2. Giấy tờ phải xuất trình (bản chính):

- a) Hồ sơ an toàn kỹ thuật do cơ quan Đăng kiểm cấp (bản chính);
- b) Lý lịch máy tàu;
- c) Giấy phép sử dụng đài tàu (nếu có).

3. Đối với bè cá, ngoài các thủ tục nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8, cần xuất trình giấy chứng nhận sử dụng mặt nước do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có đề án sử dụng mặt nước để nuôi trồng thủy sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Mẫu giấy chứng nhận đăng ký bè cá (*Phụ lục 1c*)

Điều 9.

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan Đăng ký tàu cá có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký, vào sổ đăng ký tàu cá và cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ cơ quan Đăng ký tàu cá phải thông báo ngay cho chủ tàu.

2. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị mất, bị rách nát, hư hỏng;
- b) Thay đổi tên tàu, hồ hiệu (nếu có) hoặc các thông số kỹ thuật của tàu.

3. Hồ sơ phải nộp cho cơ quan Đăng ký tàu cá để cấp lại giấy chứng nhận đăng ký gồm:

- a) Tờ khai xin đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (nếu bị rách nát, hư hỏng hoặc thay đổi tên tàu; bản chính) hoặc giấy khai báo bị mất "Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá" có xác nhận của chính quyền cấp xã, phường hoặc đồn Công an, Biên phòng nơi bị mất (nếu bị mất).

4. Cơ quan Đăng ký tàu cá xét cấp lại "Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá" cho chủ tàu chậm nhất không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận tờ khai;

5. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá được cấp lại phải giữ nguyên số đăng ký đã được cấp và ghi rõ lần cấp.

Điều 10.

1. Tàu cá được cấp "Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời" trong các trường hợp sau đây:

a) Khi tiến hành đăng ký tàu cá cũ mua của nước ngoài để sử dụng, nhưng chủ tàu chưa có giấy chứng nhận xóa tên đăng ký tàu biển và giấy chứng nhận đã nộp lệ phí trước bạ;

b) Khi tiến hành đăng ký tàu cá đóng mới tại Việt Nam để di chuyển về nơi đăng ký chính thức.

2. Hồ sơ phải nộp khi đăng ký tạm thời gồm:

a) Tờ khai xin cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời nêu rõ lý do;

b) Hợp đồng đóng tàu hoặc hợp đồng chuyển dịch sở hữu tàu;

c) Hồ sơ an toàn kỹ thuật của tàu do cơ quan Đăng kiểm tàu cá cấp.

3. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (*Phụ lục 1d*) được cấp cho chủ tàu chỉ có giá trị trong 90 ngày.

Điều 11.

1. Chủ tàu phải thông báo cho cơ quan Đăng ký tàu cá nơi tàu cá đăng ký để xóa đăng ký trong những trường hợp sau:

a) Tàu bị giải bản hoặc bị chìm đắm mà cơ quan điều tra tai nạn hàng hải có thẩm quyền xác nhận đã thực sự mất khả năng hoạt động nghề cá;

b) Tàu bị mất tích (sau 6 tháng, kể từ khi mất liên lạc với tàu);

c) Tàu bị hư hỏng không thể sửa chữa được, hoặc việc sửa chữa là không có hiệu quả kinh tế;

d) Tàu chuyển dịch quyền sở hữu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

2. Cơ quan Đăng ký tàu cá có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, xét cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá, đồng thời xóa tên tàu trong sổ đăng ký tàu cá.

Điều 12.

Sau thời hạn 24 tháng, nếu chủ tàu không tiến hành làm các thủ tục đăng kiểm tàu cá và cấp giấy phép khai thác thủy sản (kể từ ngày hết hạn), cơ quan Đăng ký tàu cá có quyền xóa tên tàu trong sổ đăng ký tàu cá và thông báo cho chủ tàu, chính quyền địa phương nơi chủ tàu đăng ký thường trú và các cơ quan có liên quan biết.

Điều 13.

Việc cầm cố, thế chấp tàu cá được thực hiện theo quy định tại Nghị định số

85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 về đảm bảo tiền vay của tổ chức tín dụng.

Chương III

ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN

Điều 14.

Tàu cá được đăng ký ở cơ quan Đăng ký tàu cá nào thì cơ quan Đăng ký tàu cá đó thực hiện việc đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên cho tàu cá.

Điều 15.

1. Hồ sơ đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá gồm:

a) Tờ khai đăng ký thuyền viên (*Phụ lục 3b*);

b) Bản sao sổ thuyền viên tàu cá của mỗi thuyền viên xin đăng ký (đối với thuyền viên làm việc trên tàu cá quy định tại khoản 1 Điều 16 của Quy chế này) hoặc chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ khác phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá.

2. Cơ quan Đăng ký tàu cá có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá cho chủ tàu chậm nhất không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá được cơ quan Đăng ký tàu cá cấp lần đầu cùng với việc đăng ký tàu cá.

4. Việc thay thế thuyền viên làm việc trên tàu cá cho từng chuyến biển quy định như sau:

Thuyền viên thay thế phải được chủ tàu thực hiện việc ghi tên thuyền viên thay thế vào sổ danh bạ thuyền viên của tàu; sau đó ghi rõ họ tên, chức danh, ký tên, đóng dấu xác nhận (nếu có) và có xác nhận của Biên phòng khi ra, vào bến.

Điều 16.

1. Thuyền viên làm việc trên các tàu cá dưới đây phải có sổ thuyền viên tàu cá:

a) Tàu cá có tổng công suất máy chính từ 90 sức ngựa trở lên;

b) Tàu kiểm ngư, tàu nghiên cứu biển, tàu điều tra nguồn lợi thủy sản.

2. Thuyền viên trên các tàu cá hoạt động ở tuyến lộng và tuyến khơi phải có tên trong sổ danh bạ thuyền viên.

3. Người xin cấp sổ thuyền viên tàu cá phải có đủ các điều kiện sau:

a) Đủ tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Có đủ sức khỏe và biết bơi;

c) Được tập huấn về những kiến thức cơ bản khi hành nghề trên biển do cơ quan Đăng ký tàu cá có thẩm quyền tổ chức (Nếu chưa có chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá).

4. Hồ sơ cấp sổ thuyền viên gồm:

a) Tờ khai cấp sổ thuyền viên tàu cá kèm theo 2 ảnh màu cỡ (3 x 4);

b) Chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao có công chứng) hoặc giấy chứng nhận đào tạo nghiệp vụ đi biển làm nghề cá do cơ quan Đăng kiểm tàu cá cấp (bản chính).

5. Cơ quan Đăng ký tàu cá có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp sổ thuyền viên tàu cá cho thuyền viên chậm nhất không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17.

Cục trưởng Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy chế này trong phạm vi toàn quốc./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lương Lê Phương



PHỤ LỤC 1A
ÁP DỤNG CHO TÀU CÁ CÓ CÔNG SUẤT
TỪ 90 SỨC NGỰA TRỞ LÊN

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ
REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ORGANISM IN CHARGE

N^o:

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ
REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL

.....
.....
.....
.....

Tên tàu: Hô hiệu:
Name of Ship Signal Letters
Quốc tịch: Tổng dung tích:
Flag Gross Tonnage
Công dụng: Kiểu tàu:
Used for Type of Ship
Năm và nơi đóng:
Year and Place of Build

Chiều dài L_{MAX}: Chiều dài L_{TK}:
Length Length
Chiều rộng B_{MAX}: Chiều rộng B_{TK}:
Breadth Breadth
Chiều cao mạn D: Chiều chìm d:
Draught Depth
Vật liệu Trọng tải toàn phần:
Materials Deadweight
Số lượng máy: Tổng công suất:
Quantity Total Power

Kiểu máy Type	Số máy Number	Công suất Power	Năm chế tạo Year of Build

Chủ tàu:
Ship owner

Nơi thường trú:
Address

Cơ quan Đăng ký:
Registry place

Cơ quan Đăng kiểm:
Register of shipping

Cảng đăng ký
Port registry

Cấp tại ngày
Issued at Date

Thủ trưởng cơ quan
Leader

Số 19 - 22 - 7 - 2006
Số 20 - 22 - 7 - 2006

CÔNG BẢO

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số đăng ký.....
Number or registry

**THAY MÁY CHÍNH
MAIN ENGINES TO CHANGE**

Số lượng máy: Tổng công suất:.....
Quantity Total Power

Kiểu máy Type	Số máy Number	Công suất Power	Năm chế tạo Year of Build

Cơ quan Đăng ký:.....
Registry place

Cơ quan Đăng kiểm.....
Register of shipping

Cấp tại..... ngày.....
Issued at Date

Thủ trưởng cơ quan
Leader

(4 - 6 trang)

**THAY ĐỔI SỞ HỮU
SHIP OWNER TO CHANGE**

Số đăng ký:.....
New number or registry

Nơi đăng ký:.....
Registration place

Chủ tàu:
Ship owner

Nơi thường trú:.....
Address

Cơ quan Đăng ký:
Registry place

Cơ quan Đăng kiểm:
Register of shipping

Cấp tại..... ngày.....
Issued at Date

Thủ trưởng cơ quan
Leader



PHỤ LỤC 1B: ÁP DỤNG CHO TÀU CÁ CỎ
CÔNG SUẤT TỪ 20 ĐẾN 90 SỨC NGỰA

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Số đăng ký: |

Máy chính

Số lượng máy: Tổng công suất:

Kiểu máy Type	Số máy Number	Công suất Power	Năm và nơi chế tạo Year and Place of Build

Đặc điểm tàu

Tên tàu: Hô hiệu:

Quốc tịch: Tổng dung tích:

Công dụng: Kiểu tàu:

Năm và nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Vỏ tàu

Chiều dài L_{MAX} : Chiều dài L_{TK} :

Chiều rộng B_{MAX} : Chiều rộng B_{TK} :

Chiều cao mạn D : Chiều chìm d :

Vật liệu: Trọng tải toàn phần

Số người:

Chủ tàu

Chủ tàu:

Nơi thường trú:

Cơ quan Đăng ký:

Cơ quan Đăng kiểm:

Cấp tại ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Phụ lục 1c

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BÈ CÁ

Chủ bè:.....

Nơi thường trú:

Kích thước cơ bản (L x B x D), m:.....

Dung tích bè, m³:

Nghề:.....

Vật liệu đóng:.....

Nơi neo đậu:.....

Số người làm việc trên bè:

Thủ trưởng cơ quan

09694711
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Phụ lục 1d

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI*(có giá trị đến hết ngày..... tháng..... năm.....)*

Tên tàu:

Chủ tàu:

Loại tàu:

Công dụng:

Năm, nơi đóng:

Lý do đăng ký tạm thời:

đặc điểm kỹ thuật

+ Vỏ tàu

- Chiều dài lớn nhất (L_{max}), m:- Chiều rộng lớn nhất (B_{max}), m:

- Chiều cao mạn (D), m:

- Chiều chìm (d), m:

- Mạn khô (f), m:

- Tổng dung tích:

- Sức chở tối đa, tấn:

+ Máy chính

TT	Ký hiệu	Số máy	Công suất (sức ngựa)	Năm, nơi chế tạo

Giấy chứng nhận này có giá trị trong 90 ngày kể từ ngày cấp.

Thủ trưởng Cơ quan

Phu lục 2

CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT
tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TT	Địa phương	Viết tắt	TT	Địa phương	Viết tắt
1	An Giang	AG	33	Khánh Hòa	KH
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	BV	34	Kiên Giang	KG
3	Bạc Liêu	BL	35	Kon Tum	KT
4	Bắc Kạn	BK	36	Lai Châu	LC
5	Bắc Giang	BG	37	Lạng Sơn	LS
6	Bắc Ninh	BN	38	Lâm Đồng	LĐ
7	Bến Tre	BTr	39	Long An	LA
8	Bình Dương	BD	40	Lào Cai	LCa
9	Bình Định	BĐ	41	Nam Định	NĐ
10	Bình Phước	BP	42	Nghệ An	NA
11	Bình Thuận	BTh	43	Ninh Bình	NB
12	Cà Mau	CM	44	Ninh Thuận	NT
13	Cần Thơ	CT	45	Phú Thọ	PT
14	Cao Bằng	CB	46	Phú Yên	PY
15	Đà Nẵng	ĐNa	47	Quảng Bình	QB
16	Đắk Lắk	ĐL	48	Quảng Nam	QNa
17	Đắk Nông	ĐNo	49	Quảng Ngãi	QNg
18	Điện Biên	ĐB	50	Quảng Ninh	QN
19	Đồng Nai	ĐN	51	Quảng Trị	QT
20	Đồng Tháp	ĐT	52	Sóc Trăng	ST
21	Gia Lai	GL	53	Sơn La	SL
22	Hà Giang	HG	54	Tây Ninh	TN
23	Hà Nội	HN	55	Thái Bình	TB
24	Hà Nam	HNa	56	Thái Nguyên	TNg
25	Hà Tây	HTa	57	Thanh Hóa	TH
26	Hà Tĩnh	HT	58	Thừa Thiên - Huế	TTH
27	Hải Dương	HD	59	Tiền Giang	TG
28	Hải Phòng	HP	60	Trà Vinh	TV
29	Hậu Giang	Hgi	61	Tuyên Quang	TQ
30	Hòa Bình	HB	62	Vĩnh Long	VL
31	T.P Hồ Chí Minh	SG	63	Vĩnh Phúc	VP
32	Hưng Yên	HY	64	Yên Bái	YB
					VN

* Các tàu cá do Bộ Thủy sản đăng ký

Phụ lục 3a**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ****Kính gửi:**.....

Họ tên người đứng khai:

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:.....; Công dụng

Năm, nơi đóng:

Cảng (Bến đậu) đăng ký:

Kích thước chính $L_{\max} \times B_{\max} \times D$, m:.....; Chiều chìm d , m:

Vật liệu vỏ:.....; Tổng dung tích:

Sức chở tối đa, tấn:..... Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:..... Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				
04				
05				

3. Hồ sơ kèm theo

TT	Hồ sơ đăng ký tàu cá	Bản chính	Bản sao
01	Hợp đồng đóng tàu		
02	Giấy chứng nhận xuất xưởng		
03	Văn bản chấp thuận đóng mới		
04	Giấy chứng nhận đăng ký cũ		
05	Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu		
06	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ		
07	Giấy xác nhận xóa đăng ký		
08	Giấy phép mua tàu		
09	Giấy chứng nhận hoàn thành thủ tục hải quan		
10	Giấy chứng nhận xóa đăng ký cũ: + Bản gốc + Bản dịch		
11	Văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu		
12	Hợp đồng thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu		
13	Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký cũ: + Bản gốc + Bản dịch		
14	Biên lai nộp thuế trước bạ: + Vở tàu + Máy tàu		
15	Hồ sơ an toàn kỹ thuật		
16	Lý lịch máy tàu		

TT	Hồ sơ đăng ký tàu cá	Bản chính	Bản sao
17	Giấy phép sử dụng đài tàu		

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

XÁC NHẬN

của xã, phường hoặc thủ trưởng cơ quan
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Ký tên và đóng dấu nếu có)

09634711

Tel: +84-8-38456684

LawSoft

Phụ lục 3b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Kính gửi:

Tên tôi là:..... Nam, nữ.....

Ngày tháng năm sinh:

Nguyên quán:

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:..... cấp tại

Nghề nghiệp:

Trình độ văn hóa:

Trình độ chuyên môn:.....

Chứng chỉ chuyên môn số:..... ngày cấp.....

Cơ quan cấp:

Tôi làm tờ khai này kính trình cơ quan đăng ký tàu cá xét cấp cho tôi được đăng ký thuyền viên theo “Quy chế đăng ký tàu cá và thuyền viên”

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước ban hành.

Xác nhận
của UBND xã, phường
hoặc thủ trưởng cơ quan
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Người xin cấp sổ
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)